

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
**(Ngày 28 tháng 11 năm 2024)<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên: Lê Thị Phụng; Ngày tháng năm sinh: 27/12/1971
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Phong Cốc
- Nơi thường trú: Khu I Phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 022171001359  
ngày cấp 28/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

**2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên: Phạm Trường Giang; Ngày tháng năm sinh: 26/4/1971
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Trường THPT Ngô Gia Tự
- Nơi thường trú: Khu I, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022071001378  
ngày cấp 14/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

**3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**

**3.1. Con thứ nhất:**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

**3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

**1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:**

**1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:**

**1.1.1. Thừa thứ nhất:**

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Khu I, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 113 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 180 triệu
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Số 39813- QSDĐ ngày 09/3/2001. Do UBND huyện Yên Hưng cấp cho Ông: Phạm Trường Giang được quyền sử dụng.

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Chuyển nhượng

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Ô số 401 KTĐC Đường Sông 3, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 63 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 1,7 Tỷ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Số CU 585996-QSĐĐ ngày 12/3/2021. Do UBND Thành phố Hạ Long cấp cho Ông: Phạm Trường Giang; Bà Lê Thị Phụng được quyền sử dụng.

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Chuyển nhượng

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: Khu I, Phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 320 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 2,5 tỷ (xây dựng năm 2014)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số 39813- QSĐĐ ngày 09/3/2001. Do UBND huyện Yên Hưng cấp cho Ông: Phạm Trường Giang được quyền sử dụng.

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: Nhà số 107, Đường Lê Chân, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 252 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 2,2 tỷ (xây dựng năm 2021)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số CU 585996 - QSĐĐ ngày 12/3/2021. Do UBND Thành phố Hạ Long cấp cho Ông: Phạm Trường Giang; Bà Lê Thị Phụng được quyền sử dụng.

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: Không

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

18

19

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: tính từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024 tổng thu nhập giữa hai lần kê khai tăng:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 205 triệu

- Tổng thu nhập của chồng: 146 triệu

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

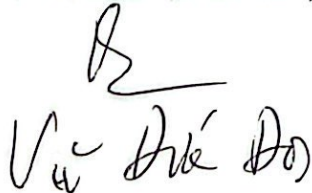
**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>** tính từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024 không có biến động tài sản, thu nhập tăng thêm do tăng lương cơ bản, tăng hệ số và thâm niên.

(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

| Loại tài sản, thu nhập                   | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                          | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất     |                                            |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                               |                                            |                           |                                                                      |
| - Mua thừa đất                           |                                            |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác                   |                                            |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng            |                                            |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                               |                                            |                           |                                                                      |
| - Xây căn nhà 4 tầng tại khu đất mới mua |                                            |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác            |                                            |                           |                                                                      |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất         |                                            |                           |                                                                      |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất          |                                            |                           |                                                                      |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất      |                                            |                           |                                                                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |               |                |                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p> | không<br>Tăng | + 351<br>Triệu | <p>Tăng do tăng lương cơ bản, tăng hệ số và thâm niên</p> <p>- Thu nhập từ thưởng, thu nhập tăng thêm, lương và các khoản phụ cấp của vợ là: 205 triệu; của chồng là 146 triệu.</p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Quảng Yên ngày 16 tháng 12 năm 2024  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

  
 Vũ Đức Độ

Phong Cốc, ngày 28 tháng 11 năm 2024  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

  
 Lê Thị Phượng